TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 / 3 / 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia Đ ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Lê Văn Phụng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia Đ thụ lý số 576/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia Đ ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 177, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng tháp; có mặt.

Bị đơn: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim X trình bày*, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà X và ông T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 18/5/2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lâm Văn Băng Đ, sinh

ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010, đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng; vợ chồng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường X cãi vả do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, mâu thẫu về kinh tế gia Đ và ông T không lo cho vợ con, không phụ giúp nuôi con, sống chung không hạnh phúc.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01, ngày 18/5/2004 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp; bản sao giấy khai sinh của Lâm Văn Băng Đ, sinh ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010.

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Văn T trình bày*, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông Tvà bà X kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An vào ngày 18/5/2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lâm Văn Băng Đ, sinh ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010, 03 con chung đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng; vợ chồng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng cũng bất đồng quan điểm theo lời trình bày của bà X N1ng nay vợ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông còn thương vợ thương con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ khi Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm đến nay giữa ông và bà X cũng chỉ liên hệ với nhau qua điện thoại, bà X cũng không đồng ý để ông về chung sống với bà; ông cũng đã cố gắng níu kéo tình cảm, N1ng bà X không thay đổi.

Do bận đi làm xa, không thể có mặt khi Tòa án triệu tập nên ông T yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

- Bà X trình bày ý kiến, yêu cầu N1 đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà X không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà X và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà X, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, bà X yêu cầu ly hôn với ông T xuất phát từ việc sau khi kết hôn, bà X và ông T đã không có tiếng nói chung, thường hay mâu thuẫn, ông T không phụ giúp kinh tế để bà X nuôi con chung, 02 bên cũng đã không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, việc này ông T cũng thừa nhận và yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông nhận thấy sai lầm và mong muốn sửa đổi. Mặt khác, thời gian Tòa án thụ lý vụ án, hòa giải đã tạo điều kiện để ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng N1ng phía bà X không đồng ý và kiên quyết ly hôn, nên mục đích hôn nhân không đạt nếu buộc sống chung sẽ không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia Đ, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lâm Văn Băng Đ, sinh ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010, đang sống với bà X. Bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Đồng thời, cháu Đ, N, N1 cũng có nguyện vọng sống chung với bà X nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, tiếp tục giao 03 cháu Đ, N, N1 cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Kim X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X, ông T không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia Đ năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi phiên tòa được mở, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà X và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà X, ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà X xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường X cãi vả do bất đồng quan điểm và không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Cho nên, bà X yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng N1 tại phiên tòa, bà X khẳng định không còn tình cảm với ông T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, ông T không phụ giúp kinh tế nuôi các con, vì thương các con bà X cố gắng chịu đựng, giữa hai vợ chồng không đồng nhất về quan điểm sống, thường X cự cãi, giữa bà X và ông T cũng không thường X tâm sự, khoảng hơn 01 năm nay bà X và ông T không còn chung sống với nhau, ông T đi làm công nhân tại Bình Dương, từ khi thụ lý vụ án, cũng N1 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cả bà X, ông T cũng không thể đoàn tụ, hàn gắn tình cảm được; mặc dù ông T không đồng ý ly hôn, với lý do ông còn tình cảm với bà X, những mâu thuẫn bà X trình bày ông xác nhận là đúng và muốn sửa đổi sai điều này bà X không chấp nhận, tại phiên tòa bà X vẫn giữ yêu cầu, không đồng ý việc hàn gắn tình cảm, do thời gian chung sống bà X và ông T không đồng nhất nhiều về quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, N1ng cả hai đến nay không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, ông T cũng nhiều lần liên hệ để hai vợ chồng đoàn tụ, N1ng bà X không thay đổi.

N1 vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà X yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia Đ năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[2.2] Về con chung: Bà X, ông T cùng thống nhất, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 03 con chung tên Lâm Văn Băng Đ, sinh ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010. Bà X yêu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung.

Xét thấy, 03 cháu đang được bà X chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Tại các biên bản ghi nhận ý kiến con chung, các cháu điều có ý kiến muốn sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy việc yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con

chung của bà X là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia Đ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia Đ năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 *Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim X được ly hôn với ông Lâm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01, ngày 18/5/2004 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị Kim X và ông Lâm Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim X được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Lâm Văn Băng Đ, sinh ngày 23/02/2004, Lâm Văn Hoài N, sinh ngày 03/11/2005, Lâm Tâm N1, sinh ngày 10/02/2010. Ông Lâm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Kim X cùng các thành viên gia Đ (nếu có) không được cản trở ông Lâm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009878 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 12 năm 2021; bà Trần Thị Kim X đã nộp đủ án phí.

Ông Lâm Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Kim X có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lâm Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy